

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HK I NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN CÔNG NGHỆ TRỒNG TRỌT 10

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRỒNG TRỌT

Câu 1. Ngành trồng trọt **không** có vai trò nào?

- A. Cung cấp nguyên liệu chế biến. B. Cung cấp lương thực, thực phẩm.
C. Chế tạo nhiều chế phẩm sinh học. D. Cung cấp nông sản xuất khẩu, tạo cảnh quan đẹp.

Câu 2. Nội dung nào **không phải** thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt?

- A. Giống cây trồng chất lượng cao. B. Chế phẩm sinh học chất lượng cao.
C. Công nghệ canh tác hiện đại. D. Xen canh cây trồng.

Câu 3: Thành tựu nào **không phải** là thành tựu nổi bật của việc ứng dụng công nghệ canh tác trong trồng trọt?

- A. Sử dụng các chế phẩm sinh học. B. Thiết bị không người lái.
C. Hệ thống internet kết nối vạn vật. D. Hệ thống trồng cây không dùng đất.

Câu 4. Không phải xu hướng phát triển của ngành trồng trọt ở nước ta là

- A. Tạo sản phẩm đa dạng về chủng loại, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm.
B. Gia tăng giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
C. Hạn chế thất thoát sau thu hoạch và rút ngắn thời gian bảo quản.
D. Công nghệ cơ giới, tự động hóa sẽ được hạn chế sử dụng để tránh ô nhiễm môi trường.

PHÂN LOẠI CÂY TRỒNG

Câu 1. Nhóm cây trồng nào sau đây phân loại theo chu kỳ sống?

- A. Cây hàng năm và cây lâu năm. B. Cây 1 lá mầm và cây 2 lá mầm.
C. Cây lâu năm và cây 2 lá mầm. D. Cây rau, hoa và cây lương thực.

Câu 2. Dựa vào khả năng hóa gỗ của thân, cây trồng được phân loại theo những nhóm nào?

- A. Cây thân gỗ và cây thân thảo. B. Cây thân leo và cây thân thẳng.
C. Cây thân lớn và cây thân nhỏ. D. Cây thân cao và cây thân thấp.

Câu 3. Nhóm cây nào gồm toàn cây hai lá mầm?

- A. Hành, tỏi, cam. B. Tre, lúa, họ.
C. Xoài, cam, tre. D. Cam, bưởi, xoài.

Câu 4. Nhóm cây trồng nào thuộc nhóm cây lấy gỗ?

- A. Cam, bưởi, xoài, vải. B. Bạch đàn, keo lá tràm.
C. Sắn dây, bắp, mía. D. Atisô, ba kích, sâm.

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÂY TRỒNG VỚI CÁC YẾU TỐ CHÍNH TRONG TRỒNG TRỌT.

Câu 1. Yếu tố nào sau đây **không phải** là một trong bảy yếu tố chính tác động đến cây trồng ?

- A. Động vật. B. Nhiệt độ. C. Giống cây trồng. D. Kỹ thuật canh tác.

Câu 2. Nguồn năng lượng cung cấp cho quá trình quang hợp của cây là

- A. Chất khoáng. B. Nhiệt độ. C. Ánh sáng. D. Chất hữu cơ.

Câu 3. Đất **không** có vai trò nào với cây trồng?

- A. Cung cấp nước cho cây. B. Giúp trao đổi khí giữa rễ cây với môi trường.
C. Cung cấp dinh dưỡng cho cây. D. Điều hòa thoát hơi nước của cây.

Câu 4. Nước **không** có vai trò nào đối với cây?

- A. Hòa tan và vận chuyển các chất trong cây.
B. Điều hòa hoạt tính enzyme, xúc tác các phản ứng sinh hóa.
C. tham gia vào các quá trình sinh lí, sinh hóa diễn ra trong cây.
D. Điều hòa nhiệt độ bề mặt lá cây.

Câu 5. Nhiệt độ ảnh hưởng lớn đến đến quá trình sinh lí của cây trồng, nhiệt độ thấp

- A. làm tăng hiệu suất quang hợp. B. làm giảm hiệu suất hô hấp.
C. làm tăng hiệu suất hô hấp. D. thúc đẩy quá trình già hóa.

Câu 6. Các nguyên tố dinh dưỡng **không** có vai trò nào sau đây với cây trồng?

- A. Thúc đẩy nảy mầm; sinh trưởng và phát triển thân, lá; kích thích ra rễ, đậu quả.
B. Tăng tính chống chịu sâu, bệnh hại và điều kiện thời tiết bất lợi.
C. Tăng năng suất, chất lượng và khả năng bảo quản nông sản.
D. Thúc đẩy quá trình hô hấp và quang hợp, ức chế ra hoa, kích thích sinh trưởng.

Câu 7. Cho các nội dung sau:

- (1). Các loài cây trồng khác nhau thường có nhu cầu nước như nhau và cần nhiều nước để ra hoa.
- (2). Thiếu nước làm cây sinh trưởng, phát triển chậm, còi cọc; giảm năng suất, chất lượng.
- (3). Thừa nước làm các bộ phận của cây mọng nước non mềm dễ bị sâu bệnh hại; giảm chất lượng (giảm độ giòn, ăn nhạt,...).
- (4). Độ ẩm đất quá cao (đất ngập úng) gây nghẹt rễ do thiếu oxygen làm cây héo; dễ thối hỏng trong quá trình bảo quản.
- (5). Hạn chế tưới nước ở thời kỳ khủng hoảng nước của cây giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.

Trong các nội dung trên, có bao nhiêu nội dung đúng?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 8. Trong các nhận định sau có bao nhiêu nhận định đúng?

- (1). Giống ít ảnh hưởng đến đặc điểm hình thái, khả năng sinh trưởng, phát triển của cây trồng.
- (2). Giống cây trồng không ảnh hưởng đến khả năng chống chịu sâu, bệnh và điều kiện ngoại cảnh bất lợi.
- (3). Năng suất của cây trồng chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện môi trường mà ít phụ thuộc vào giống.
- (4). Giống cây trồng thích nghi với từng vùng sinh thái nhất định. Vì vậy, tùy từng vùng sinh thái cụ thể, cần lựa chọn giống cây trồng thích hợp.
- (5). Trong trồng trọt, giống cây trồng là tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng, giống ảnh hưởng lớn đến chất lượng cây trồng.

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

THÀNH PHẦN VÀ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT TRỒNG

Câu 1. Yếu tố nào là thành phần cốt lõi của quan trọng nhất của chất rắn trong đất, quyết định các tính chất của đất?

- A. Xác sinh vật. B. Hạt cát. C. Các hạt khoáng. D. Chất hữu cơ.

Câu 2. Thành phần không khí trong đất tương tự trong khí quyển nhưng

- A. nhiều O_2 hơn. B. ít CO_2 hơn. C. không có N_2 . D. ít O_2 hơn.

Câu 3. Tính chất nào **không** thuộc nhóm tính chất lí học của đất?

- A. Thành phần cơ giới của đất. B. Khả năng hấp phụ của đất.
C. Độ thoáng khí của đất. D. Khả năng giữ nước của đất.

Câu 4. Nhóm tính chất sinh học của đất gồm:

- A. thành phần cơ giới của đất, chất mùn. B. phản ứng dung dịch đất, khả năng đệm của đất.
C. hoạt động của vi sinh vật, động vật. D. thành phần không khí trong đất, keo đất, chất hữu cơ.

Câu 5. Trong cấu tạo của keo đất không có thành phần nào?

- A. Nhân keo. B. Lớp ion không di chuyển.
C. Lớp màng keo. D. Lớp ion khuếch tán.

Câu 6. Ngoài cùng của keo đất là

- A. lớp ion khuếch tán. B. lớp ion quyết định điện. C. lớp ion không di chuyển. D. Nhân keo.

Câu 7. Trong các phát biểu sau, phát biểu **chưa** chính xác về keo đất?

- A. Nhân là yếu tố quyết định keo âm hay dương. B. Keo âm có lớp ion khuếch tán là các ion dương.
C. Keo dương có lớp ion không di chuyển là các ion âm. D. Keo dương có lớp ion quyết định điện là các ion dương.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Keo âm có khả năng hấp phụ và trao đổi trao đổi với các ion dương như K^+ , Ca^+ , Mg^+ ... trong dung dịch đất.
B. Keo dương có khả năng hấp phụ và trao đổi trao đổi với các ion như K^+ , Ca^+ , SO_4^{2-} , PO_4^{3-} ... trong dung dịch đất.
C. Các ion OH^- trong dung dịch đất có trao đổi với các ion K^+ , Ca^+ , Mg^+ ... trên bề mặt keo đất, rễ cây sẽ hấp thụ các ion này.
D. Các ion K^+ , Ca^+ , Mg^+ ... trong dung dịch không có khả năng trao đổi với các ion H^+ ... trên bề mặt keo đất.

CÁI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG

Câu 1: Ý nào sau đây **không phải** là nguyên nhân hình thành đất xám bạc màu?

- A. Đất bị xói mòn và rửa trôi các hạt keo, sét, dinh dưỡng
B. Mưa nhiều, nhiệt độ cao, làm quá trình phong hóa và phân hủy các chất nhanh.
C. Địa hình trũng, khó thoát nước, trong đất chứa nhiều xác sinh vật.

D. Tập quán canh tác lạc hậu làm đất bị thoái hóa

Câu 2: Ý nào sau đây **không phải** nguyên nhân gây xói mòn đất?

A. Lượng mưa lớn.

B. Địa hình dốc.

C. Chặt phá rừng.

D. Bón phân hóa học.

Câu 3: Đẻo dính khi ướt và nứt nẻ, rắn chắc khi khô là đặc điểm của loại đất nào?

A. Đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá.

B. Đất xám bạc màu.

C. Đất mặn.

D. Đất phèn.

Câu 4: Loại đất nào sau đây có độ phì nhiêu thấp và rất chua ($\text{pH} < 4$), hàm lượng hữu cơ trong đất ở mức khá, giàu kali, hàm lượng Al^+ rất cao gây độc cho phần lớn cây trồng, hàm lượng lân dễ tiêu rất thấp?

A. Đất xám bạc màu.

B. Đất xói mòn mạnh.

C. Đất mặn.

D. Đất phèn.

Câu 5: Cho các biện pháp sau:

(1). Trồng cây theo luống, theo băng.

(2). Bón vôi.

(3). Trồng cây có bộ rễ yếu.

(4). Tăng cường bón phân hóa học.

(5). Che phủ đất bằng các loại cây thừa sau thu hoạch.

(6). Trồng cây che phủ đất.

Trong các biện pháp trên có bao nhiêu biện pháp phù hợp để hạn chế và cải tạo đất xói mòn?

A. 3

B. 4

C. 2

D. 5

Câu 6: Trong các biện pháp sau, có bao nhiêu biện pháp phù hợp để cải tạo đất xám bạc màu?

1. Làm đường đồng mức đối với đất dốc.

2. Ngâm ruộng sau đó tháo nước ra kênh tiêu.

3. Cày sâu tầng đất mặt.

4. Bón nhiều phân hữu cơ.

5. Luân canh và xen canh cây trồng.

6. Bón vôi.

A. 2.

B. 5.

C. 3.

D. 4.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG SẢN XUẤT MỘT SỐ GIÁ THỂ TRỒNG CÂY

Câu 1. Giá thể nào sau đây là giá thể hữu cơ?

A. Dớn.

B. Đá trân châu Perlite.

C. Đá Vermiculite.

D. Sỏi nhẹ Keramzit.

Câu 2. Giá thể nào sau đây là giá thể vô cơ?

A. Rêu than bùn

B. Đá trân châu Perlite

C. Mùn cưa

D. Vỏ cây thông

Câu 3. Quy trình sản xuất sỏi nhẹ Keramzit **không** có bước nào sau đây?

A. Xử lý đất sét lần 2.

B. Nung sỏi và nghiền sỏi.

C. Nhào đất và phối trộn.

D. Ngâm dung dịch dinh dưỡng.

Câu 4. Quy trình sản xuất viên nén xơ dừa, bước nào có tác dụng loại bỏ các chất không có lợi cho trao đổi chất của bộ rễ, gây nánh hương xấu đến cây trồng?

A. Tách vỏ dừa.

B. Xử lý tanin và lignin.

C. Tách mụn dừa thô.

D. Dùng máy ép nhiên liệu ép viên.

Câu 5. Giá thể viên nén xơ dừa có ưu điểm nào?

(1). Viên nén xơ dừa có chứa nhiều chất dinh dưỡng tốt cho quá trình hạt nảy mầm các loại hạt giống rau, hoa,...

(2). Giúp tiết kiệm chi phí nhân công (không có công đoạn đóng bầu ươm).

(3). Dễ dàng kiểm soát được độ ẩm, độ bền rất cao.

(4). Có thể tái sử dụng nhiều lần.

(5). Dễ vận chuyển, tiện dụng, sạch sẽ.

(6). Thân thiện với môi trường.

A. (1), (3), (4), (5).

B. (1), (2), (5), (6).

C. (2), (3), (5), (6).

D. (1), (2), (4), (5), (6).

Câu 6. Giá thể sỏi nhẹ keramzit có ưu điểm nào?

(1). Giữ nước, chất hữu cơ cung cấp cho cây.

(2). Quy trình sản xuất đơn giản, dễ làm.

(3). Giá thành rất rẻ.

(4). Thông thoáng, tránh hiện tượng ngập úng, thối rễ.

(5). Có pH trung tính, giúp cây có môi trường thuận lợi.

(6). Thuận lợi cho vi sinh vật có lợi phát triển.

A. (1), (3), (4), (5).

B. (1), (2), (5), (6).

C. (2), (3), (4), (6).

D. (1), (4), (5), (6).

PHÂN BÓN

Câu 1: Phân bón **không** có vai trò nào sau đây?

A. Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng.

B. Cải thiện tính chất của đất trồng.

C. Cải thiện hệ vi sinh vật có lợi trong đất.

D. Làm giảm khả năng giữ nước, thoát nước của đất.

Câu 2: Loại phân nào sau đây là phân hóa học?

A. Phân N P K. B. Phân vi sinh cố định đạm. C. Phân xanh. D. Phân chuồng.

Câu 3: Loại phân nào sau đây là phân hữu cơ?

A. Phân N P K. B. Phân lân. C. Phân đạm. D. Phân chuồng.

Câu 4: Loại phân nào có tác dụng cải tạo đất nhưng hiệu quả chậm vì phải trải qua quá trình khoáng hóa cây mới sử dụng được?

A. Phân hữu cơ. B. Phân vi sinh. C. Phân đạm, phân kali. D. Phân NPK, phân lân.

Câu 5: Phân hữu cơ có đặc điểm nào?

A. Dễ hòa tan, tỉ lệ dinh dưỡng thấp. B. Khó hòa tan, chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng.

C. Dễ hòa tan, chứa nhiều dinh dưỡng. D. Khó hòa tan, tỉ lệ dinh dưỡng cao.

Câu 6: Phân vi sinh là loại phân **không** chứa vi sinh vật nào sau đây?

A. Vi sinh vật cố định đạm. B. Vi sinh vật chuyển hóa lân.

C. Vi sinh vật phân giải chất hữu cơ. D. Vi khuẩn phản nitrat hóa.

Câu 7: Phát biểu nào **sai** khi nói về phân hóa học?

A. Phân hóa học có hàm lượng dinh dưỡng cao hơn các loại phân bón khác.

B. Phần lớn phân hóa học dễ hòa tan nên cây dễ hấp thụ.

C. Có tác dụng cải tạo đất, hiệu quả nhanh, dễ sử dụng.

D. Bón nhiều, liên tục phân hóa học trong nhiều năm làm đất bị thoái hóa.

Câu 8: Phát biểu nào **sai** khi nói về phân hữu cơ?

A. Có thành phần và tỉ lệ các chất dinh dưỡng không ổn định.

B. Phần lớn phân hữu cơ dễ hòa tan nên cây dễ hấp thụ.

C. Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng, giàu mùn.

D. Có tác dụng cải tạo đất nhưng hiệu quả chậm.

Câu 9: Loại phân nào sau đây có thời hạn sử dụng ngắn và cần bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C?

A. Phân lân.

B. Phân NPK.

C. Phân vi sinh.

D. Phân hữu cơ.

Câu 10: Trong các loại phân hóa học, loại phân nào khó tan và dùng bón lót là chính?

A. Phân đạm.

B. Phân kali.

C. Phân N P K.

D. Phân lân.

Câu 11: Trước khi sử dụng phân hữu cơ cần phải làm gì?

A. Ủ cho hoại mục.

B. Trộn với đất.

C. Phơi khô.

D. Ngâm trong nước.

Câu 12: Cho các thông tin sau:

(1) Dùng bón thúc là chính.

(2) Phân đạm và kali cũng có thể bón lót nhưng bón với lượng nhỏ.

(3) Thường trộn hoặc tẩm vào hạt, rắc cây trước khi gieo trồng.

(4) Sau nhiều năm bón đạm và kali cần bón vôi cải tạo đất.

(5) Hỗn hợp phân NPK có thể dùng bón lót hoặc bón thúc.

Trong các thông tin trên có bao nhiêu thông tin đúng với phân hóa học?

A. 4

B. 5

C. 3

D. 2

Câu 13: Cho các nhận định về bảo quản phân bón như sau:

(1). Bảo quản nơi cao ráo, thoáng mát, không để gần lửa, nơi có ánh sáng trực tiếp.

(2). Không sử dụng dụng cụ bảo quản bằng kim loại.

(3). Bảo quản nhiệt độ dưới 30°C, thời gian bảo quản dưới 6 tháng.

(4). Đối với phân dễ chảy nước như phân đạm cần bảo quản kín, hạn chế tối đa tiếp xúc với không khí.

(5). Đối với phân bón dạng viên cần tránh làm vỡ kết cấu viên.

Trong các phát biểu trên có bao nhiêu phát biểu đúng với công tác bảo quản phân hóa học?

A. 4

B. 5

C. 3

D. 2

Câu 14: **Không** phải công nghệ hiện đại ứng dụng trong sản xuất phân bón là

A. Công nghệ vi sinh.

B. Công nghệ tế bào.

C. Công nghệ nano.

D. Công nghệ sản xuất phân bón chậm tan có kiểm soát.

Câu 15: Nguyên lí sản xuất phân vi sinh hữu cơ gồm các bước theo trình tự nào?

- A. Phân hữu cơ vi sinh → phối trộn chủng vi sinh vật đặc hiệu với chất nền (than bùn) → phân lập và nhân chủng vi sinh vật đặc hiệu.
- B. Phối trộn chủng vi sinh vật đặc hiệu với chất nền (than bùn) → phân lập và nhân chủng vi sinh vật đặc hiệu → phân hữu cơ vi sinh.
- C. Phân hữu cơ vi sinh → phân lập và nhân chủng vi sinh vật đặc hiệu → phối trộn chủng vi sinh vật đặc hiệu với chất nền (than bùn).
- D. Phân lập và nhân chủng vi sinh vật đặc hiệu → phối trộn chủng vi sinh vật đặc hiệu với chất nền (than bùn) → phân hữu cơ vi sinh.

Câu 16. Các hạt nano trong phân bón thường được tạo ra bằng phương pháp nào?

- A. Ôxy hóa. B. Khử hóa học. C. Nghiền cơ học. D. Nghiền cơ học và ôxy hóa.

Câu 5. Loại phân bón nào sau đây có lớp vỏ polymer sinh học với độ dày khác nhau?

- A. Phân bón nano. B. Phân bón hữu cơ. C. Phân vi sinh hữu cơ. D. Phân bón chậm tan.

Câu 17. Phần nhân của phân bón chậm tan có kiểm soát là

- A. Các nguyên tố dinh dưỡng như N, P, K, Mn, Bo, Cu. B. Các chất hữu cơ và vô cơ.
- C. Các vi sinh vật sống và các nguyên tố dinh dưỡng. D. Các hợp chất polymer sinh học.

Câu 18. Phân bón vi sinh hữu cơ **không** có ưu điểm nào sau đây?

- A. Chuyển hóa chất dinh dưỡng trong đất thành dạng dễ hấp thụ cho cây trồng.
- B. Có tác dụng cải tạo đất (tăng mùn, độ phì nhiêu, cân bằng pH đất, tăng chống chịu cho cây).
- C. Bảo quản dễ dàng, hiệu quả nhanh, giá thành tương đối thấp.
- D. An toàn với con người, thân thiện với môi trường.

Câu 19. Nhận định nào **sai** về phân bón nano?

- A. Tỷ lệ hấp thụ chất dinh dưỡng đối với phân bón nano rất cao, có thể đạt 90%.
- B. Dễ phân tán, bám dính, diện tích tiếp xúc tăng và có khả năng thâm sâu vào cây trồng.
- C. Bón không đúng thời điểm gây lãng phí, tồn dư chất độc hại, ảnh hưởng xấu đến nông sản, con người.
- D. Giá thành rẻ hơn hoặc tương đương so với các loại phân bón khác

Câu 20. Nhận định nào **sai** về phân bón chậm tan có kiểm soát?

- A. Hạn chế sự rửa trôi, bay hơi. B. Tiết kiệm công bón.
- C. Hạn chế gây ô nhiễm môi trường. D. Đa dạng về chủng loại

GIỐNG CÂY TRỒNG

Câu 1. Giống cây trồng là một quần thể cây trồng có thể phân biệt được với quần thể cây trồng khác thông qua sự biểu hiện của ít nhất là

- A. một đặc tính và di truyền được cho đời sau. B. hai đặc tính và di truyền được cho đời sau.
- C. một số đặc tính và di truyền và không di truyền cho đời sau. D. một số đặc tính và di truyền được cho đời sau.

Câu 2. Đặc điểm của giống cây trồng phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- A. Gen và môi trường. B. Môi trường trong và ngoài.
- C. Chỉ phụ thuộc vào gen. D. Chỉ phụ thuộc vào môi trường.

Câu 3. Giống cây trồng tốt **không** có đặc điểm nào?

- A. Năng suất cao, chất lượng tốt. B. Dễ cơ giới hóa.
- C. Giảm sâu bệnh hại. D. Sức chống chịu thấp.

Câu 4. Tạo giống cây trồng là cách hình thành giống mới từ những nguồn vật liệu đã có thông qua việc thay đổi

- A. vật chất di truyền trong tế bào. B. kỹ thuật sản xuất.
- C. điều kiện môi trường. D. đặc điểm hình thái.

Câu 5. Chọn giống cây trồng là việc

- A. chọn lựa ra những cây giống theo đúng mục đích mong muốn.
- B. cải tạo cây giống theo đúng mục đích mong muốn.
- C. tạo ra những cây giống có những đặc tính mới thông qua lai tạo.
- D. tạo ra những cây giống mới có những đặc tính ưu việt.

Câu 6. Giống đối chứng là giống

- A. hoang dại, phổ biến trong tự nhiên. B. cùng loài đó được trồng phổ biến ở địa phương.
- C. ban đầu trước khi được chọn lọc. D. biểu hiện tính trạng vượt trội của con lai F₁.

Câu 7. Công nghệ nào được ứng dụng để chọn giống cây trồng sạch bệnh trong thời gian ngắn?

- A. Công nghệ gen. B. Công nghệ nuôi cấy mô tế bào.

C. Công nghệ enzyme. D. Công nghệ tế bào gốc.

Câu 8. Phương pháp chọn lọc cá thể và chọn lọc hàng loạt đều có bước nào sau đây?

- A. Chọn và để riêng các cá thể mang các tính trạng đúng theo yêu cầu đặt ra.
- B. so sánh giống chọn lọc với giống gốc và giống đối chứng.
- C. Gieo trồng riêng rẽ các cá thể đã chọn ở vụ 1 và tiếp tục chọn đến khi đạt được mục tiêu chọn giống
- D. Trộn hạt của tất cả các cá thể đã chọn ở vụ 1 để gieo trồng ở vụ 2, 3.

Câu 9. Trong chọn giống cây trồng, giống chọn lọc phải có đặc điểm nào?

- A. Vượt trội so với giống gốc, bằng hoặc vượt trội so với giống đối chứng.
- B. bằng so với giống đối chứng, bằng hoặc vượt trội so với giống gốc.
- C. Vượt trội so với hoang dại, bằng hoặc vượt trội so với giống đối chứng.
- D. Vượt trội so với giống gốc, bằng hoặc vượt trội so với giống hoang dại.

Câu 10. Nhận định nào sau đây đúng với phương pháp chọn giống bằng phương pháp chọn lọc cá thể?

- (1). Nhanh đạt được mục tiêu chọn giống và dễ thực hiện.
 - (2). Tạo ra sự khác biệt rõ theo mục tiêu chọn giống.
 - (3). Không tạo ra nhiều sự khác biệt so với giống gốc.
 - (4). Tốn nhiều thời gian và diện tích đất.
 - (5). Thường áp dụng cho cây giao phấn, cây tự thụ phấn và cây nhân giống vô tính.
 - (6). Thường áp dụng cho cây tự thụ phấn và cây nhân giống vô tính.
- A. (1), (3), (5). B. (2), (4), (6). C. (1), (3), (6). D. (2), (4), (5).

Câu 11. Phương pháp nào **không** tạo giống mới?

- A. Đa bội thể. B. Lai hữu tính. C. Gây đột biến. D. Nuôi cấy mô.

Câu 12. Phương pháp tạo giống nào giúp tạo ra các con lai mang nhiều tính trạng tốt của bố mẹ?

- A. chuyển gen. B. lai hữu tính. C. đột biến gen. D. đa bội thể.

Câu 13. Trong lai hữu tính, hiện tượng con lai F_1 có tính trạng vượt trội so với bố mẹ gọi là

- A. ưu thế lai. B. biến dị. C. đột biến. D. biến dị tổ hợp.

Câu 14. Tạo giống cây trồng bằng phương pháp gây đột biến gồm các bước theo trình tự:

- A. xử lí mẫu → xử lí bằng tác nhân gây đột biến → chọn lọc → tạo giống mới.
- B. xử lí bằng tác nhân gây đột biến → xử lí mẫu → chọn lọc → tạo giống mới.
- C. chọn lọc → xử lí mẫu → xử lí bằng tác nhân gây đột biến → tạo giống mới.
- D. xử lí bằng tác nhân gây đột biến → chọn lọc → xử lí mẫu → tạo giống mới.

Câu 15. Những loại cây trồng trong tế bào sinh dưỡng có số nguyên lần của bộ nhiễm sắc thể đơn bội (từ $3n$ trở lên) được gọi là

- A. đa bội thể. B. dị bội thể. C. lưỡng bội thể. D. lệch bội thể.

Câu 16. Các tác nhân nào có thể tạo nên đa bội thể?

- A. tia tử ngoại, tia phóng xạ. B. thay đổi nhiệt độ đột ngột, tia phóng xạ, tia laser.
- C. hóa chất dimethyl sulfate, tia hồng ngoại. D. thay đổi nhiệt độ đột ngột, hoá chất colchicine.

Câu 17. Trong phương pháp tạo giống cây trồng chuyển gen, các công cụ chuyển gen có thể là

- A. tế bào mô phân sinh, hạt phấn, vi khuẩn. B. vi khuẩn, súng bắn gen, plasmid.
- C. nguyên sinh động vật, súng bắn gen. D. vi nấm, plasmid, tế bào sinh dưỡng.

Câu 18. Nhóm cây nào sau đây cho năng suất cao nhất?

- A. Cây giống gốc. B. Cây giống thoái hoá.
- C. Cây giống ưu thế lai. D. Cây giống lai ở thế hệ thứ 4.

Câu 19. Giống ngô, đậu tương, cải dầu... được chuyển gen kháng thuốc trừ cỏ được tạo ra bằng phương pháp nào?

- A. Đa bội thể. B. Lai hữu tính. C. gây đột biến. D. chuyển gen.

Câu 20. Giống cây trồng đa bội có ưu điểm nào?

- A. sinh trưởng, phát triển nhanh, thích ứng với mọi điều kiện môi trường bất lợi.
- B. có năng suất cao, sức sống cao, tính thích ứng rộng, chống chịu tốt.
- C. có khả năng chịu mặn, chịu hạn, chịu phèn và sinh trưởng nhanh.
- D. có sức chống chịu tốt và mang đặc điểm của nhiều loài khác nhau.

Câu 21. Tạo giống bằng phương pháp lai hữu tính có nhược điểm nào?

- A. cần kĩ thuật cao và thiết bị phức tạp, tỉ lệ biến dị có lợi thấp.

B. tốn nhiều thời gian, khó loại bỏ hoàn toàn tính trạng không mong muốn.

C. tỉ lệ biến dị có lợi thấp, khả năng sinh sản thấp.

D. tỉ lệ giống bất dục cao, khó thực hiện, chi phí cao.

Câu 22. Phương pháp tạo giống nào có nhược điểm là giống cây trồng có tỉ lệ giống bất dục cao làm hạn chế sinh sản hữu tính?

A. Đa bội thể. B. Lai hữu tính. C. Đột biến gen. D. chuyển gen.

Câu 23. Tọa giống cây trồng bằng phương pháp gây đột biến gen nào có ưu, nhược điểm nào?

A. Tạo ra nguồn biến dị rất phong phú và nhanh tạo ra giống mới, tỉ lệ biến dị có lợi thấp.

B. Tạo ra giống cây trồng có năng suất cao, sức sống cao, chống chịu tốt nhưng tỉ lệ bất dục cao.

C. Giúp nhanh đạt mục đích tạo giống nhưng đòi hỏi kỹ thuật cao, thiết bị phức tạp và thời gian dài.

D. Dễ thực hiện, thế hệ sau tỉ lệ sinh sản cao nhưng tốn nhiều thời gian để tạo ra giống mới.

Câu 24. Phương pháp tạo giống nào giúp nhanh đạt mục đích tạo giống nhưng đòi hỏi kỹ thuật cao, thiết bị phức tạp?

A. Đa bội thể. B. Lai hữu tính. C. Đột biến gen. D. Chuyển gen.

Câu 25. Phương pháp nhân giống hữu tính là nhân giống bằng

A. củ. B. lá. C. hạt. D. đoạn thân.

Câu 26. Phương pháp nhân giống nào **không** phải là nhân giống vô tính?

A. Bằng hạt. B. Giâm cành. C. Chiết. D. Ghép.

Câu 27. Phương pháp nhân giống bằng hạt gồm các bước theo trình tự nào?

A. Chọn hạt giống gốc -> gieo trồng, chăm sóc -> thu hoạch hạt -> chọn lọc, làm sạch, phơi khô hạt -> bảo quản.

B. Gieo trồng, chăm sóc -> thu hoạch hạt -> chọn lọc, làm sạch, phơi khô hạt -> chọn hạt giống gốc -> bảo quản.

C. Chọn hạt giống gốc -> chọn lọc, làm sạch, phơi khô hạt -> gieo trồng, chăm sóc -> thu hoạch hạt -> bảo quản.

D. Gieo trồng, chăm sóc -> thu hoạch hạt -> chọn hạt giống gốc -> chọn lọc, làm sạch, phơi khô hạt -> bảo quản.

Câu 28. Sử dụng đoạn cành hoặc các bộ phận khác (thân, rễ, lá, chồi,...) từ cây mẹ đặt trong chất nền (đất, giá thể, dung dịch) để tạo cây mới. Phương pháp nhân giống này gọi là

A. Nuôi cấy mô. B. Giâm. C. Chiết. D. Ghép.

Câu 29. Phương pháp nhân giống nào giúp tạo cây mới từ cành vẫn còn trên cây mẹ?

A. Nuôi cấy mô. B. Giâm cành. C. Chiết cành. D. Ghép cành.

Câu 30. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành có ưu, nhược điểm gì?

A. hệ số nhân giống cao, dễ thực hiện; bộ rễ phát triển kém, dễ lây lan bệnh hại.

B. hệ số nhân giống cao, bộ rễ phát triển tốt; khó thực hiện, dễ lây lan bệnh hại.

C. sinh trưởng nhanh, sạch bệnh; khó thực hiện, bộ rễ phát triển kém.

D. sinh trưởng, phát triển nhanh, dễ thực hiện; hệ số nhân giống thấp.

Câu 31. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành có ưu, nhược điểm gì?

A. Cây phát triển nhanh; hệ số nhân giống thấp. B. Hệ số nhân giống cao; cây phát triển chậm.

C. Cây sinh trưởng nhanh, sạch bệnh; khó thực hiện. D. Cây sinh trưởng nhanh, sạch bệnh; hệ số nhân giống thấp.

Câu 32. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp ghép cành có ưu, nhược điểm gì?

A. Sinh trưởng, phát triển nhanh, dễ thực hiện; hệ số nhân giống thấp.

B. Rễ khỏe, dễ thích nghi, sinh trưởng tốt; đòi hỏi kỹ thuật cao.

C. Hệ số nhân giống cao, dễ thực hiện; rễ yếu, khó thích nghi với môi trường.

D. Sinh trưởng phát triển mạnh; rễ yếu, dễ lây lan dịch bệnh.

Câu 33. Nhân giống cây trồng bằng hạt **không** có ưu điểm nào?

A. Dễ thực hiện. B. Chi phí thấp.

C. Dễ bảo quản và vận chuyển. D. Tính di truyền ổn định.

Câu 34. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào có ưu điểm nào?

A. tạo ra cây sạch bệnh và nhân nhanh với số lượng lớn. B. Chi phí thấp.

C. Dễ bảo quản và vận chuyển. D. Cây sinh trưởng, phát triển nhanh.

Câu 35. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào có nhược điểm nào?

A. Hệ số nhân giống thấp, cây dễ nhiễm bệnh. B. Đòi hỏi kỹ thuật cao, chi phí đầu tư lớn, thời gian dài.

C. Khó bảo quản và vận chuyển, hệ số nhân giống thấp. D. Chi phí cao, khó thực hiện, cây dễ nhiễm bệnh.

II. TỰ LUẬN

1. Vì sao bón nhiều phân hoá học, bón liên tục sẽ làm cho đất thoái hoá?
2. Vì sao không nên bón lót nhiều phân đạm, phân kali cho cây trồng?
3. Bằng kiến thức đã học, em hãy giải thích vì sao những người chơi cây, hoa cảnh thường chọn phân bón chậm tan có kiểm soát để bón cho cây dù loại phân này thường có giá thành khá cao so với phân bón thông thường.
4. Theo em, có nên sử dụng rộng rãi phân bón nano trong trồng trọt tại địa phương mình không? Tại sao?
5. Hiện nay, hoa cúc là một trong số các loại cây hoa được trồng rất phổ biến tại Đà Lạt. Người nông dân Đà Lạt nên chọn phương pháp nhân giống nào đối với cây hoa cúc? Vì sao? Trình bày quy trình nhân giống này.
6. Chanh tươi không hạt (hay còn gọi là chanh Vonka) được trồng phổ biến tại nhiều vùng ở nước ta. Ưu điểm của giống cây này là có thể cho trái quanh năm, trồng một năm là đã có thể thu hái và tuổi thọ trên 10 năm. Theo em, để nhân giống chanh này thì người nông dân nên chọn phương pháp nhân giống nào? Vì sao? Trình bày quy trình nhân giống này.